

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2021/DS-ST**

Ngày: 09-6-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Phú Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Ông Phan Ngọc Thạch;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh** tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mỹ - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07 và 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX- ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *A đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 6, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thu E, sinh năm 1973 và anh Trần Văn F, sinh năm 1972, cùng nơi cư trú: Tổ 8, ấp 6, xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chị A, chị E có mặt; anh F vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án A đơn – chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Do quen biết nên trong năm 2019, chị có cho vợ chồng chị E và anh F vay số tiền như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 17/6/2019, chị cho chị E và anh F vay số tiền 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 20/7/2019, chị cho chị E và anh F vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 10/10/2019, chị cho chị E và anh F vay số tiền 10.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền vào ngày 17/6/2019, chị có viết giấy thể hiện nội dung cho chị E vay 10.000.000 đồng, thời gian vay đến ngày 17/8/2019 chị E sẽ hoàn trả cho chị số tiền vay và chị E ký tên vào giấy vay tiền do chị lập. Tuy nhiên đến ngày 20/7/2019, do tiếp tục cho chị E vay thêm số tiền 20.000.000 đồng nên chị tiếp tục ghi thêm vào giấy vay tiền lập ngày 17/6/2019 nội dung cho chị E vay 20.000.000 đồng và chị E ký tên vào giấy xác nhận nợ cho chị, do chị E không biết chữ nên chị E chỉ ghi chữ “E” vào giấy vay tiền; vào ngày 10/10/2019 chị tiếp tục cho chị E vay số tiền 10.000.000 đồng nhưng chị không viết giấy biên nhận tiền vay. Các bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng nhưng trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất vay.

Về thời gian vay, đối với số tiền số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 17/6/2019 chị E hẹn đến 17/8/2019 sẽ trả; đối với số tiền vay 20.000.000 đồng thì không thể hiện thời gian trả trong giấy biên nhận nợ; khi vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/10/2019 thì hẹn sẽ trả hết 40.000.000 đồng vào cuối tháng 12/2019, tuy nhiên cho đến nay chị E, anh F vẫn chưa trả cho chị số tiền 40.000.000 đồng tiền vay còn nợ nên chị khởi kiện yêu cầu chị E và anh F hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng và chị không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra chị E và anh F không có nợ chị số tiền nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Trần Thu E trình bày:*

Chị không có quan hệ bà con hay họ hàng gì với chị Nguyễn Thị Kim A, chỉ biết chị A thông qua con gái ruột là Trần Ngọc Bích. Chị là vợ của anh F, vợ chồng chung sống từ năm 1994, có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị thừa nhận trong năm 2019 thì vợ chồng chị có vay chị A số tiền 40.000.000 đồng như chị A trình bày; khi vay số tiền 10.000.000 đồng ngày 17/6/2019 và 20.000.000 đồng ngày 20/7/2019 thì chị có ký vào giấy biên nhận nợ do chị A viết, đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 19/10/2019 thì các bên không có viết biên nhận. Tuy nhiên, khi vay 10.000.000 đồng vào ngày

19/10/2019, chị có yêu cầu chị A viết một giấy biên nhận thể hiện vợ chồng chị có vay của chị A tổng cộng là 40.000.000 đồng, chị A viết lại giấy biên nhận nợ thể hiện chị còn nợ chị A 40.000.000 đồng và hẹn đến ngày 19/01/2020 vợ chồng chị sẽ hoàn trả cho chị A số tiền 40.000.000 đồng. Chị xác định chữ “E” trong giấy biên nhận nợ ngày 17/6/2019 là của chị, việc chị ký tên vào giấy biên nhận nợ là do chị tự nguyện ký. Trong giấy vay tiền các bên không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu nhưng trên thực tế các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 09%/tháng. Nay chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A do chị đã hoàn trả cho chị A xong số tiền nợ vay gốc là 40.000.000 đồng, trả 02 lần, một lần 30.000.000 đồng vào ngày 10/12/2019, một lần 10.000.000 đồng vào ngày 10/01/2020 và chị không còn nợ chị A số tiền nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Trần Văn F trình bày:*

Anh xác định anh và chị E chỉ có vay chị A tổng số tiền là 40.000.000 đồng và anh và chị E đã hoàn trả cho chị A đủ số tiền nợ 40.000.000 đồng, ngoài ra anh và chị E không còn nợ chị A số tiền nào khác. Nếu chị A có chứng cứ chứng minh vợ chồng anh còn nợ chị A số tiền 40.000.000 đồng thì anh cũng đồng ý cùng chị E hoàn trả cho chị A số tiền còn nợ. Ngoài ra anh không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Kim A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị E, anh F hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng vay vào ngày 10/10/2019 và giữ A yêu cầu chị E, anh F hoàn trả số tiền vay 30.000.000 đồng.

Chị Trần Thu E vẫn giữ A quan điểm không đồng ý hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 30.000.000 đồng như chị A yêu cầu.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Do anh Trần Văn F là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn F.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Trần Thu E, anh Trần Văn F liên quan đến việc chị Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chị Trần Thu E, anh Trần Văn F hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A đối với chị Trần Thu E, anh Trần Văn F liên quan đến số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 10/10/2019.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Do anh Trần Văn F là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn F.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chị Trần Thu E, anh Trần Văn F liên đới hoàn trả số tiền vay 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thu E thừa nhận chữ ký “E” trong giấy biên nhận tiền vay vào ngày 17/6/2019 và ngày 19/10/2019 là của chị, việc chị ký tên xác nhận số tiền vay là do chị hoàn toàn tự nguyện. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét việc chị A cho rằng số tiền 30.000.000 đồng chị A yêu cầu chị E, anh F hoàn trả là khoản tiền nợ vay không thuộc khoản tiền 40.000.000 đồng chị A cho chị E, anh F vay vào ngày 19/10/2019; chị E, anh F cho rằng giấy biên nhận tiền vay 40.000.000 đồng ngày 19/10/2019 là tổng cộng các khoản nợ vay của chị E, anh F với chị A phát sinh từ từ ngày 17/6/2019 đến ngày 19/10/2019 thì thấy rằng: Trong năm 2019, chị A có cho chị E, anh F vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay với số tiền dao động từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, khi vay tiền đều có lập biên nhận tiền vay và thỏa thuận thời gian vay từ 02 đến 03 tháng kể từ ngày vay tiền. Riêng số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 10/10/2019 không có lập giấy biên nhận tiền. Đến ngày 19/10/2019, khi chị A tiếp tục cho chị E anh F vay số tiền 40.000.000 đồng thì các bên có lập giấy biên nhận tiền vay nhưng chị A không gộp khoản vay 10.000.000 đồng còn nợ ngày 10/10/2019 vào số tiền 40.000.000 đồng tiền vay vào ngày 19/10/2019 trong khi khoản vay 10.000.000 đồng đã hết thời hạn trả và không có giấy biên nhận tiền vay.

[2.3] Mặt khác, giấy vay tiền ngày 19/10/2019 thể hiện thời gian trả tiền vay vào ngày 19/01/2020, chị A cho rằng số tiền 30.000.000 đồng chị E, anh F trả vào

ngày 10/12/2019, tuy nhiên vào thời điểm trả 30.000.000 đồng thì khoản vay ngày 19/10/2019 vẫn chưa đến thời hạn thanh toán; các khoản vay từ ngày 17/6/2019 đến trước ngày 19/10/2019 đã đến thời hạn thanh toán; khi chị E, anh F trả tiền vay thì chị A đã trả lại bản gốc giấy vay tiền lập ngày 19/10/2019 cho chị E, anh F, việc chị A hoàn trả giấy biên nhận tiền vay ngày 19/10/2019 cho chị E, anh F thể hiện việc chị E, anh F đã hoàn trả xong cho chị A số tiền 40.000.000 đồng. Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định trình bày của chị E cho rằng giấy biên nhận tiền vay 40.000.000 đồng ngày 19/10/2019 là tổng cộng các số tiền nợ vay phát sinh giữa chị A, chị E và anh F từ ngày 17/6/2019 đến ngày 19/10/2019 là 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và có đủ căn cứ xác định trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị A yêu cầu chị E, anh F hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 10/10/2019, do tại phiên tòa, chị A đã rút yêu cầu và không yêu cầu chị E, anh F hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 10/10/2019. Ý kiến này do chị A hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim A không được chấp nhận nên căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 146, 147, 217, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Trần Thu E và anh Trần Văn F liên quan đến việc chị Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chị Trần Thu E, anh Trần Văn F hoàn trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.1 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Trần Thu E và anh Trần Văn F liên quan đến yêu cầu chị Trần Thu E, anh Trần Văn F hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 10/10/2019.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kim A đã nộp theo biên lai thu số 0001871 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Kim A còn phải nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Báo cho chị Nguyễn Thị Kim A, chị Trần Thu E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn F được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phú Sang**